TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 11/5/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Láth.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 19YY (chủ hộ kinh doanh T Q M E);

Địa chỉ: Ấp H N A, xã H T 2, huyện M X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Diễm M, sinh năm 19UU (văn bản ủy quyền lập ngày 13/12/2022, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà U, khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Hùng V, sinh năm 19XX (vắng mặt);

2.2. Bà Trần Thị Út L1, sinh năm 19XZ (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà E, ấp T H, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 của nguyên đơn bà Lê Thị Thu L; biên bản hòa giải ngày 31/3/2023 và đơn thay đổi ý kiến hòa giải ngày 04/4/2023 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thu L trình bày:

Ngày 16/10/2020 bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt Hoa sản xuất và thuốc thủy sản với ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1. Tại thời điểm điểm giao kết hợp đồng hai bên không có làm văn bản và thỏa thuận sẽ thanh toán nợ sau khi kết thúc vụ nuôi. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ như đã thỏa thuận. Vào ngày 29/9/2022 hai bên đối chiếu nợ, ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) với số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

Tại phiên hòa giải ngày 31/3/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận cho ông V và bà L1 liên đới thanh toán trả nguyên đơn số tiền 30.353.000 đồng trong thời hạn chậm nhất vào ngày 28/4/2023, đối với số tiền còn lại không yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, sau khi hòa giải xét thấy ông V và bà L1 không có thiện chí trả nợ nên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi ý kiến hòa giải là vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 và yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Nay bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ nêu trên là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng). Về lãi suất chậm trả bà Lê Thị Thu L không có yêu cầu.

Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Út L1 trình bày: Bà Trần Thị Út L1 thừa nhận vợ chồng bà Trần Thị Út L1 và ông Trần Hùng V còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) với số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng). Do nuôi tôm thất mùa nên vợ chồng bà L1 và ông V không có tiền trả cho bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) như đã thoả thuận. Trong vụ nuôi tôm năm nay vợ chồng bà L1 và ông V sẽ cố gắng thanh toán trả hết số nợ nêu trên.

Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2023 và phiên hòa giải ngày 31/3/2023, bị đơn ông Trần Hùng V trình bày:

Ông Trần Hùng V thừa nhận vợ chồng ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) với số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng). Do nuôi tôm thất mùa nên ông V và bà L1 không có tiền trả nợ cho bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) như đã thoả thuận. Tuy nhiên, ông Trần Hùng V xin trả số tiền là 30.353.000 đồng, số tiền còn lại được trừ vào phần chiết khấu mà hộ kinh doanh T Q M E đã hứa hẹn trước đây.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Trần Hùng V chưa chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E). Buộc các bị đơn ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho nguyên đơn số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa: Bị đơn ông Trần Hùng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Hùng V theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Diễm M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Ngày 16/10/2020, vợ chồng ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) và tính đến ngày 29/9/2022 hai bên đối chiếu nợ thì vợ chồng ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) với số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng). Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) với vợ chồng ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 gồm có: Sổ giao nhận hàng; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 29/9/2022. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Hùng V và tại phiên tòa bà Trần Thị Út L1 cũng thừa nhận còn nợ tiền thức ăn tôm và thuốc thủy sản của bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) như đã nêu trên. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn bà Lê Thị Thu L không cần phải chứng minh.

Đối với số tiền chiết khấu mà vợ chồng ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 trình bày, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông V và bà L1 không có căn cứ chứng minh theo quy định tại quy định Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, lời trình bày của ông V và bà L1 không có căn cứ nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về lãi suất chậm trả: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E). Buộc các bị đơn ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) với số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) được chấp nhận nên các bị đơn ông Trần Hùng V, bà Trần Thị Út L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bị đơn ông Trần Hùng V, bà Trần Thị Út L1 là người cao tuổi, có

đơn yêu cầu miễn án phí và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Út L1 xin miễn án phí nên các bị đơn được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E).

Buộc các bị đơn ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) số tiền là 51.413.000 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Hùng V và bà Trần Thị Út L1 còn liên đới trả lãi cho bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông Trần Hùng V, bà Trần Thị Út L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 1.360.000 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004457 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Út L1 có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Thu L (chủ hộ kinh doanh T Q M E) và bị đơn ông Trần Hùng V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án tND TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương